

Số: 187/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Tuyền Quang, ngày 02 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 148/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn X, xã K, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Bị đơn: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn X, xã K, thành phố Tuyền Quang, tỉnh Tuyền Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 23 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Yên Sơn (nay là thành phố Tuyền Quang), tỉnh Tuyền Quang)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị N đều xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang V, sinh ngày 29/6/2010 và cháu Nguyễn Hoàng Bảo C, sinh ngày 06/12/2011. Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và

giáo dục cả 02 con, chị N có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, cháu Châu đủ 18 tuổi. Chị N được quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về tài sản chung:* Anh Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị N đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về vay nợ chung:* Anh Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị N đều xác định không có vay nợ chung.

- *Về án phí:* Anh Nguyễn Văn L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn L đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000051 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho anh Nguyễn Văn L số tiền chênh lệch là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang (để thi hành);
- UBND xã K (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Phan Anh Thành

